SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 17/07/2023 16:05:04 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09/2023/NQ-HĐND	*Long An, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về Quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHOÁ X - KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 1773/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 620/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Nội dung chi và mức chi:

a) Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, cụ thể như sau:

- Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An;

- Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An;

- Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn quốc về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 133/2014/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Long An;

- Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Long An;

- Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng;

- Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định về hợp đồng lao động.

- Đối với các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh.

b) Một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

c) Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 (kỳ họp lệ giữa năm 2023) thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Nghị quyết số 39/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung chi, mức chi kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT). (13)

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Nguyễn Văn Được

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MỘT SỐ KHOẢN CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Long An)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp Xã	
1	**Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra**					
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	100	70	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	70	50	
2	**Chi lấy ý kiến chuyên gia**	01 văn bản được xin ý kiến	600	450		
3	**Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản**					
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực; Báo cáo kết quả hệ thống văn bản định kỳ (05 năm); Báo cáo kết quả tổng rà soát văn bản, báo cáo định kỳ năm hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản (Bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng ngành, tổ chức, cơ quan nhà nước khác ở địa phương, đơn vị)					
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01 báo cáo	3.700			
-	Báo cáo của UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập	01 báo cáo	1.900	1.900		
-	Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của UBND cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo		1.000	1.000	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	200	150	100	
4	**Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp).**	01 báo cáo	300	240	180	01 lần chỉnh lý

5	**Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng**		**Mức chi thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp**			
6	**Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP**					
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250	200		
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500	400		
7	**Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội**	01 văn bản	200	150	100	
8	**Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản**					
a	Mức chi chung	01 văn bản	300	250	200	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600	500	400	
9	**Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản**	01 văn bản	250	200	150	
10	**Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP**	01 văn bản	150	100		
11	**Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản**					
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150	100	70	
b	Chi tổ chức, thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí…phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL					
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi theo chứng từ hợp pháp			
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	60	40	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật

						trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	**Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:**		Mức chi theo chứng từ hợp pháp			
13	**Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm**		Mức chi theo chứng từ hợp pháp			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Được